

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị

Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết với những nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị.

2. Kế hoạch của UBND tỉnh được thực hiện đến năm 2025 làm căn cứ để các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kết luận số 56-KL/TW và Nghị quyết số 24-NQ/TW.

3. Đến năm 2025, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể sau:

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu; triển khai thực hiện các nhiệm vụ ban hành theo Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và các nhiệm vụ ban hành theo Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 tỉnh Bình Định đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020.

- Giảm 7,3% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường; đạt mức tiết kiệm năng lượng 5,0-7,0% tổng tiêu thụ năng lượng.

b) Về quản lý tài nguyên:

- Tiếp tục điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng. Hoàn thiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/2000 và 1/5000 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nguồn nước mặt, nước dưới đất trên địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của tỉnh. Xác định dòng chảy tối thiểu trên sông suối nội tỉnh. Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh. Điều tra, lập danh mục, bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên hiện có trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo.

c) Về bảo vệ môi trường:

- 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để. 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý; phần đầu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% tổng lượng chất thải được thu gom; 100% chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom, xử lý. 100% các khu công nghiệp và 30% các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Nước thải tại các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường.

- Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước đối với đầm Thị Nại, đầm Trà Ổ.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung

a) Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn thi hành pháp luật, tạo sự thống nhất trong toàn xã hội về nhận thức và hành động trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục đưa nội dung về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục, đào tạo các cấp, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

- Xây dựng và thực hiện tiêu chí, chuẩn mực về môi trường trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư; hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức môi trường trong xã hội.

- Phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm tốt; kịp thời khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đánh giá kết quả bảo vệ môi trường hàng năm đối với các huyện, thị xã, thành phố và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Tập trung triển khai chính sách pháp luật, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Hoàn thiện cơ chế để thực hiện minh bạch hóa trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, đặc biệt đối với tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành; cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách chuyển đổi sang kinh tế số; phát triển và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh quản trị môi trường trong các doanh nghiệp.

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo sự bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và người dân. Nâng cao trách nhiệm giải trình, tính công khai, minh bạch trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

c) Nâng cao năng lực và hiệu quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tăng cường giám sát thực thi pháp luật trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Nâng cao năng lực, cung cấp, đầu tư phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường.

- Lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, bảo đảm tính khả thi, tránh chồng chéo và tiết kiệm nguồn lực.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các lực lượng chức năng trong điều tra, xử lý vi phạm pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm về tài nguyên và môi trường.

- Cung cấp, công khai, minh bạch thông tin, thực hiện hiệu quả công tác giám sát của cộng đồng và phản biện xã hội trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- Ứng dụng các nền tảng công nghệ thông tin, mạng xã hội, tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả của các đường dây nóng... nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật trong quản lý tài nguyên và môi trường.

d) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Triển khai thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, khuyến khích ứng dụng các kỹ thuật tốt nhất hiện có (BAT).

- Thực hiện đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại, viễn thám, công nghệ thông tin và các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Rà soát, đánh giá tổng thể các chương trình khoa học và công nghệ, lồng ghép các nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong các chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh phù hợp trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Nâng cao năng lực, tăng cường quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường thống nhất, đồng bộ, liên tục được cập nhật; xây dựng và vận hành cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các ngành và các bên liên quan.

đ) Đổi mới cơ chế tài chính, tăng chi ngân sách và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh

- Đổi mới cơ chế quản lý, tăng dần và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Ứng dụng cách tiếp cận dựa vào thị trường trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; phân bổ sử dụng nguồn lực tài nguyên theo cơ chế thị trường.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện và triển khai áp dụng các công cụ kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ môi trường, thị trường các-bon, các hình thức đối tác công tư (PPP), tín dụng xanh, trái phiếu xanh; tiếp tục triển khai thực hiện xã hội hóa để huy động đầu tư từ các nguồn ngoài ngân sách.

e) Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục thực hiện việc hợp tác với các đối tác phát triển, các quỹ tài chính quốc tế để huy động nguồn lực, tiếp nhận công nghệ tiên tiến nhằm triển khai thực hiện các dự án ưu tiên trong Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 và các dự án khác có liên quan trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

g) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Phổ biến, quán triệt quan điểm, nhận thức về đặt yêu cầu phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển. Bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tập trung ban hành các văn bản triển khai, thực hiện Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; nghiên cứu, đề xuất thực hiện các luật về khí tượng thủy văn, tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, đa dạng sinh học.

- Xây dựng và thực hiện các quy hoạch liên quan đến phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Xem xét, đề nghị sửa đổi quy định theo hướng cho phép thanh tra, kiểm tra đột xuất trong lĩnh vực môi trường; đề xuất cắt giảm các thủ tục hành chính trong hoạt động thanh tra.

- Rà soát, đề nghị điều chỉnh các quy định xử lý vi phạm theo hướng nâng mức xử phạt, bảo đảm đủ sức răn đe đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về xả thải gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước; quản lý, sử dụng đất; hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi; khai thác rừng trái phép trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Các nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

a) Tiếp tục xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Xây dựng và thực hiện các chương trình phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định giai đoạn 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020; phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên hệ sinh thái (EbA), dựa vào cộng đồng (CbA) và dựa vào tự nhiên (NbS).

b) Triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn

Đầu tư các nhà máy, hệ thống cung cấp nước sạch, đồng thời chuyển đổi việc sử dụng nước dưới đất sang sử dụng nước mặt; thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm giảm sụt lún, nhiễm mặn ở các vùng ven biển.

c) Giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính của các hệ sinh thái trên địa bàn tỉnh

- Áp dụng các biện pháp công nghệ và quản lý để giảm phát thải khí nhà kính; khuyến khích, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ xanh, thân thiện với môi trường.

- Triển khai thực hiện các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính trong các ngành, lĩnh vực nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh theo Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 và Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải..., đặc biệt đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và các hộ gia đình.

d) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Tổ chức nâng cấp, sửa chữa hồ chứa; đập dâng; đê kè biển, đê kè sông; xây dựng trạm bơm tưới, tiêu; kiên cố kênh mương, công trình cấp nước sạch theo dự án, chương trình được phê duyệt.

- Rà soát, xây dựng quy hoạch tái định cư, thực hiện di dời dân cư ra khỏi các vùng có nguy cơ lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, sạt lở núi và các nguy cơ thiên tai khác.

- Lập bản đồ cảnh báo các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Khẩn trương hoàn thành các công trình chống ngập, chống sạt lở trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính. Triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) trên địa bàn tỉnh; cập nhật định kỳ 5 năm theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tăng cường quản lý và bảo vệ rừng tự nhiên; tăng diện tích rừng trồng; thực hiện các giải pháp tăng cường năng lực để phòng, chống cháy rừng; ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng; phấn đấu độ che phủ rừng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh đạt 58%.

3. Các nhiệm vụ về quản lý tài nguyên

a) Đối với tài nguyên đất đai

- Thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tại 67 xã, phường, thị trấn thuộc 5 huyện, thị xã, thành phố (huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn), hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh, vận hành cơ sở dữ liệu địa chính phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế ở địa phương (Dự án Tổng thể dự kiến thực hiện theo phân kỳ trong 06 năm 2021 - 2027).

- Triển khai thực hiện Dự án xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/2000; 1/5000 trên địa bàn tỉnh Bình Định, theo Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 09/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Xây dựng và hoàn thiện dữ liệu quốc gia”.

- Triển khai thực hiện cơ chế chính sách khuyến khích tập trung, tích tụ đất đai, phát huy tiềm năng đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, Ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đề án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4783/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 và Văn bản số 812/UBND-KT ngày 09/2/2021 cho chủ trương triển khai khảo sát lập đề án thiết kế dự toán.

- Thực hiện điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai theo quy định tại Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, gồm: Điều tra, đánh giá thoái hóa đất lần đầu; Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp.

- Tăng cường năng lực, trang thiết bị phục vụ phát triển và ứng dụng viễn thám theo Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 01/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược viễn thám trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Đối với tài nguyên nước

- Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nguồn nước mặt, nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; thực hiện giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

- Lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh, tổ chức cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Thực hiện điều tra, lập danh mục, bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành quy định mực nước hạ thấp cho phép khai thác trên địa bàn tỉnh.

- Lập Danh mục nguồn nước nội tỉnh; Xác định dòng chảy tối thiểu trên sông suối nội tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra và yêu cầu trám lấp các giếng không sử dụng tại các cơ sở khai thác nước dưới đất đã thực hiện điều tra năm 2016 – 2017.

c) Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản

- Phối hợp với các cơ quan Trung ương tiếp tục điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy hoạch; thăm dò, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế.

- Thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; thực hiện chế biến sâu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản; dự trữ khoáng sản quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Phối hợp với các cơ quan Trung ương và các địa phương điều tra, đánh giá về tài nguyên địa chất, tài biến địa chất phục vụ xây dựng các kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu, sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện thống kê, kiểm kê tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và cập nhật thường xuyên hệ thống dữ liệu GIS về khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Khảo sát, nghiên cứu một số khu vực khoáng sản phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ bản và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nâng cao hiệu quả trong công tác cấp phép hoạt động khoáng sản thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Xây dựng Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Định.

d) Đối với tài nguyên biển

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban

Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại tỉnh thông qua Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường công tác quản lý, tổng hợp tài nguyên và môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường biển, hải đảo của tỉnh. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

- Phối hợp triển khai thực hiện Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030. Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị, biến động tài nguyên biển, trong đó tập trung điều tra cơ bản về tài nguyên biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng rác thải nhựa tại khu vực vùng bờ tỉnh Bình Định và đề xuất giải pháp giảm thiểu.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, triển khai thực hiện Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản; ngăn chặn tình trạng đánh bắt thủy sản mang tính hủy diệt, không theo mùa vụ, khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện và nhân rộng các mô hình Đồng Quản lý cho các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với việc giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ.

đ) Đối với năng lượng mới, năng lượng tái tạo và vật liệu mới

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất và sử dụng năng lượng theo hướng tăng mạnh tỷ trọng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2045.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thân thiện với môi trường.

e) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Thực hiện các giải pháp quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên; xây dựng và ban hành cơ chế kết hợp khai thác giá trị kinh tế của rừng để góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế.

- Thực hiện các biện pháp tích nước, điều hòa, phân bổ, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên nước.

- Phối hợp kiểm kê tài nguyên nước quốc gia; điều tra đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước cho các vùng khan hiếm nước, thiếu nước.

4. Các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường

a) Chủ động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu đến môi trường

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ môi trường từ cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện quản lý theo giấy phép môi trường để kiểm soát ô nhiễm; xử lý các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; rà soát, di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh phát sinh ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư tập trung.

- Giám sát chặt chẽ các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có quy mô xả thải lớn. Yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện nghiêm quy định về lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, kết nối, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh. Xử lý nghiêm đối với các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện quản lý và kiểm soát chất lượng không khí theo văn bản số 2084/UBND-KT ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh về việc tăng cường quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh; tăng diện tích cây xanh, công viên trong các đô thị và khu dân cư.

- Kiểm soát, ngăn chặn, xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn, nhất là công tác thu gom rác thải, xử lý ô nhiễm từ hoạt động chăn nuôi, xử lý ô nhiễm ở các làng nghề có phát sinh nước thải. Thực hiện nghiêm túc các tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải ở các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn, các khu công nghiệp và cụm công nghiệp đã hoạt động.

- Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn; nâng cao năng lực thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định và Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa.

- Đầu tư 06 trạm quan trắc tự động môi trường không khí, nước mặt, nước ngầm và nước biển ven bờ kết nối và vận hành tốt hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm soát chặt chẽ, ngăn ngừa việc đưa chất thải trái phép, công nghệ, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu vào địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu và các hóa chất độc hại: Kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh xăng dầu của các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh; yêu cầu các cơ sở thuộc đối tượng xây dựng công trình ứng phó sự cố môi trường phải xây dựng công trình theo quy định.

b) Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân

- Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản.

- Rà soát và triển khai xử lý ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trong trường hợp có phát sinh.

c) Bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Tăng cường việc bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn.

- Bảo vệ các hành lang đa dạng sinh học; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng. Chú trọng bảo vệ, khai thác hợp lý các hệ sinh thái tự nhiên.

- Điều tra, phục hồi các hệ sinh thái quan trọng bị suy thoái, đặc biệt là các vùng đất ngập nước, các rạn san hô, thảm cỏ biển.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật. Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

d) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giám sát chặt chẽ các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, quy mô xả thải lớn; yêu cầu thực hiện nghiêm quy định về lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, kết nối, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Kiểm soát, ngăn chặn, xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt ở các làng nghề; thực hiện các tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu phí theo khối lượng chất thải phát sinh.

- Rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các chính sách để khuyến khích mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp đầu tư xử lý chất thải rắn, nước thải; đẩy mạnh xã hội hóa công tác thu gom, xử lý chất thải.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ trước ngày 20/12 hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện.

- Chủ trì trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo chức năng nhiệm vụ được giao.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng kế hoạch, tăng cường công tác chủ động ứng phó, phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, triển khai các hoạt động nông, lâm, thủy sản góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Trong kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm của tỉnh ưu tiên các chương trình, đề tài khoa học công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Sở Công Thương

Xây dựng, lồng ghép công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình, kế hoạch, lộ trình phát triển trong hoạt động công nghiệp - thương mại; đẩy mạnh đầu tư phát triển, chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng góp phần bảo đảm nguồn năng lượng cho phát triển; sử dụng năng lượng hợp lý, hiệu quả; đầu tư, đổi mới công nghệ theo hướng công nghệ sạch, hạn chế phát thải khí nhà kính.

5. Sở Xây dựng

Nghiên cứu và ứng dụng, lồng ghép công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong hoạt động quy hoạch, phát

triển đô thị và các hoạt động quản lý xây dựng, quản lý sử dụng vật liệu xây dựng theo hướng nâng cao tính chống chịu biến đổi khí hậu và giảm ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, tiết kiệm năng lượng.

6. Sở Giao thông vận tải

Xây dựng, lồng ghép công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải thủy bộ; chú trọng nâng cấp, cải tạo và phát triển hệ thống giao thông đảm bảo thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính trong giao thông vận tải; tổ chức đăng kiểm và loại trừ các phương tiện giao thông không đảm bảo tiêu chí môi trường, nhất là về khí thải.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng chương trình lồng ghép các kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên môi trường đưa vào giáo dục, giảng dạy.

8. Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện thẩm định hồ sơ và yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tích hợp yếu tố ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường vào các chương trình, dự án, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Đề xuất kế hoạch vốn hợp lý thực hiện chương trình, dự án, nhiệm vụ liên quan công tác điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất, nước, khoáng sản, môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

9. Sở Y tế

Xây dựng kế hoạch chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định tăng cường công tác truyền thông, vận động nhân dân trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

11. Các sở ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể trong Danh mục kèm theo Kế hoạch này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên chỉ đạo tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá; kịp thời điều chỉnh, xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể để thực hiện Kết luận số 56-KL/TW, Nghị quyết số 24-NQ/TW, Nghị quyết số 06/NQ-CP và Kế hoạch này, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động đề xuất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, K4, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN
Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động
tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về
chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Dự án Đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	Sở TN&MT	UBND các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân; thị xã An Nhơn; thành phố Quy Nhơn	2021 - 2027
2	Dự án Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/2000; 1/5000 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2023
3	Nhiệm vụ Đánh giá tiềm năng đất đai	Sở TN&MT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025
4	Đề án Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh	Sở TN&MT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025
5	Dự án Tăng cường năng lực, trang thiết bị phục vụ phát triển và ứng dụng viễn thám	Sở TN&MT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2023
6	Nhiệm vụ Xây dựng Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, BQL KKT tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2022
7	Dự án Điều tra, lập danh mục, bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất	Sở TN&MT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2020 - 2021

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
8	Nhiệm vụ Đề xuất ban hành quy định mực nước hạ thấp cho phép khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở TN&MT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2020 - 2021
9	Nhiệm vụ Đề xuất, xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nguồn nước mặt, nước dưới đất trên địa bàn tỉnh	Sở TN&MT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
10	Nhiệm vụ Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước	Sở TN&MT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
11	Nhiệm vụ Trám lấp các giếng không sử dụng đã thực hiện điều tra năm 2016 - 2017	Sở TN&MT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
12	Nhiệm vụ Xác định dòng chảy tối thiểu trên sông suối nội tỉnh	Sở TN&MT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
13	Nhiệm vụ Lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển	2022 – 2025
14	Nhiệm vụ Xây dựng và thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển.	2021 – 2030
15	Nhiệm vụ Nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	BQL KKT tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển.	2021 – 2030
16	Nhiệm vụ Phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	Các sở, ngành, địa phương ven biển	2022-2025
17	Nhiệm vụ Xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường biển, hải đảo tỉnh Bình Định.	Sở TN&MT	Các sở, ban ngành, địa phương liên quan	2022-2025
18	Nhiệm vụ Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến vùng bờ tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	Các sở, ban ngành, địa phương liên quan	2022-2025

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
19	Nhiệm vụ Điều tra, xây dựng báo cáo hiện trạng vùng bờ tỉnh Bình Định (SOC)	Sở TN&MT	Các sở, ban ngành, địa phương liên quan	2023-2025
20	Đầu tư 06 trạm quan trắc tự động của tỉnh và kết nối dữ liệu về hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động nguồn thải và kết nối dữ liệu quan trắc truyền về Sở TN&MT	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2023
21	Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước đối với đầm Thị Nại, đầm Trà Ổ.	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT; UBND các huyện, thành phố liên quan	2021 - 2025
22	Nhiệm vụ Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Công Thương	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
23	Nhiệm vụ Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Công Thương	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
24	Nhiệm vụ Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững	Sở Công Thương	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
25	Nhiệm vụ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành công thương trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Công Thương	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
26	Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở GTVT	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã	2021 - 2025
27	Đề án Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh, tuyến Quốc lộ 19B và tuyến đường địa phương kết nối Quốc lộ 1 (giai đoạn 2021 – 2025).	Sở GTVT	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã	2021 - 2025
28	Đề án thí điểm hoạt động xe 04 bánh chạy bằng năng lượng điện phục vụ chở khách tham quan, du lịch trong khu vực hạn chế	Sở GTVT	Các doanh nghiệp hoạt động vận tải	2021

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
29	Kế hoạch Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế	Sở Y tế	Sở TN&MT; Các sở, ngành liên quan	2021
30	Kế hoạch Chủ động phòng ngừa và quản lý, kiểm soát có hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở y tế	Sở Y tế	Sở TN&MT; Các cơ sở y tế trực thuộc	2021 - 2022
31	Chương trình truyền thông nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy của nhân viên y tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Sở Y tế	Sở TN&MT; Các cơ sở y tế trực thuộc	2021 - 2023
32	Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đất, cát xây dựng, đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý và cấp phép của tỉnh	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021
33	Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, định hướng đến 2050	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021
34	Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (xây dựng quy hoạch riêng trên địa bàn tỉnh Bình Định)	Sở NN&PTNT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025
35	Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát buôn bán động vật, thực vật hoang dã giai đoạn 2021-2025 (xây dựng kế hoạch riêng trên địa bàn tỉnh Bình Định)	Sở NN&PTNT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025
36	Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở NN&PTNT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025
37	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	Sở NN&PTNT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025
38	Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở NN&PTNT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
39	Xây dựng quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá Bình Định trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở NN&PTNT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025
40	Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp giai đoạn 2021-2025, phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai (chủ yếu là bão, lũ, khô hạn)	Sở NN&PTNT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025
41	Đề án đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa 21 công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (nước sạch) giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở NN&PTNT	Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025